

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 713/2021/DS-PT
Ngày: 20/12/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng gửi giữ
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Giang
Ông Bùi Liên Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Minh Sang
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Ông Lê Huỳnh Thiện – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 276/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 165/2021/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4483/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà H1, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: 59 Đường Đ1, phường P1, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Xây dựng L1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông N1, chức vụ: Giám đốc.

Trụ sở: 113/89 đường Đ2, phường P2, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Q2, sinh năm 1978, chức vụ: Nhân viên theo Giấy ủy quyền ngày 03/12/2021 (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông D1, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 59 Đường Đ1, phường P1, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông K1, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 187/20 đường Đ3, Phường P3, Quận Q3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 510 đường Đ4 (C5/11), phường P4, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông H2 - Chủ hộ kinh doanh H2 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 60F đường Đ5, phường P5, quận Q4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Xây dựng H2 – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/5/2020, bản tự khai, các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà H1 trình bày:

Bà H1 cùng chồng là ông D1 có thuê căn hộ số TTA-06-02B Chung cư H2 để sinh sống. Quá trình sống tại chung cư, bà H1 và Ban quản lý chung cư thuộc Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng H2 có thỏa thuận gửi giữ chiếc xe hiệu Honda SH 150I, biển số S4. Nguồn gốc chiếc xe này do ông H2 mua lại từ ông K1. Năm 2016, bà H1 mua lại xe này từ hộ kinh doanh H2 với giá 215.000.000 đồng (hai trăm mười lăm triệu đồng). Việc mua bán thực hiện bằng hình thức hợp đồng ủy quyền. Theo hợp đồng ủy quyền ngày 27/4/2016, số công chứng 011295, quyền số 06/TP/CC-SCC/HĐGD lập tại Văn phòng công chứng Q4, Thành phố Hồ Chí Minh, bà H1 được toàn quyền quản lý, sử dụng, cho thuê, cho mượn, bán, tặng cho đối với chiếc xe SH 150I, biển số S4. Do nhiều nguyên nhân khách quan, bà H1 chưa tiến hành thủ tục đăng ký sang tên chủ sở hữu.

Ngày 30/10/2019, bà H1 phát hiện chiếc xe hiệu Honda SH 150I, biển kiểm soát S4 gửi tại bãi xe chung cư bị mất trộm. Sự việc này có trình báo cho Công an phường Phường P4, quận Q1. Ngày 04/02/2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Q1 có Thông báo số 596 về nội dung kết luận định giá tài sản gửi ông D1 là chồng của bà H1, xác định giá trị chiếc xe Honda SH 150I, biển kiểm soát S4 vào thời điểm bị mất trộm có giá trị là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng). Ngày 12/02/2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Q1 có thông báo về việc tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự.

Trước khi khởi kiện, bà H1 đã cùng đại diện Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng H2 và Ban quản lý chung cư tiến hành thỏa thuận về việc bồi thường, tuy nhiên không có kết quả. Công ty TNHH Thương mại – Xây dựng H2 chỉ đồng ý bồi thường cho bà H1 số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu

đồng). Bà H1 không đồng ý vì số tiền bồi thường quá thấp so với giá trị chiếc xe bị mất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên không thỏa thuận được giá trị bồi thường. Bị đơn cho rằng giá trị theo Thông báo số 596 ngày 04/02/2020 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Q1 là cao nhưng không yêu cầu thẩm định lại giá. Để đảm bảo sự công bằng, không gây thiệt hại cho bên nào, bà H1 đã yêu cầu thẩm định lại giá trị chiếc xe bị mất. Theo Chứng thư thẩm định giá số 0278/20/CTTĐ-VAE-HCM ngày 27/8/2020 của Công ty Cổ phần giám định và thẩm định tài sản G1, giá trị chiếc xe máy biển kiểm soát S4 là 195.000.000 đồng (một trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà H1 yêu cầu Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng H2 phải bồi thường cho bà giá trị chiếc xe Honda SH 150I, biển kiểm soát S4 đã mất là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng), trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại các bản tự khai, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Công ty TNHH Thương mại – Xây dựng H2 do ông Nguyễn Thiện Hảo là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bị đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc gửi giữ xe Honda SH 150I, biển kiểm soát S4 và sự việc mất xe. Việc gửi, giữ xe của cư dân tại Chung cư H2 do Ban quản lý Chung cư H2 thuộc Công ty TNHH Thương mại – Xây dựng H2 thực hiện. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn chỉ đồng ý bồi thường số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng). Trường hợp nguyên đơn không đồng ý thì đề nghị Tòa án xem xét hóa đơn bán hàng số 0047578 ngày 16/6/2015 của Cửa hàng H6 bán xe S4 cho ông K1 với giá 20.200.000 đồng (hai mươi triệu hai trăm nghìn đồng) là chứng cứ để xác định giá trị còn lại của chiếc xe S4.

Tại bản tự khai ngày 22/9/2020 và ý kiến tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D1 trình bày: Ông D1 là chồng của bà H1. Ông không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc khởi kiện của bà H1. Trường hợp Tòa án tuyên buộc bị đơn bồi thường giá trị chiếc xe bị mất thì ông D1 yêu cầu bồi thường cho bà H1.

Tại bản tự khai ngày 27/01/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông K1 trình bày: Trước đây, ông K1 là chủ chiếc xe SH 150I của Ý, biển kiểm soát S4. Vào khoảng năm 2015, ông bán xe này cho ông H2, đôi bên có lập hợp đồng ủy quyền. Sau đó, ông H2 bán lại cho ai thì ông không được rõ. Ông K1 không tranh chấp về giá trị chiếc xe bị mất. Trường hợp ai là người đang được ủy quyền sử dụng, định đoạt chiếc xe trên thì được toàn quyền giải quyết và ông

không có tranh chấp. Ông K1 có yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại các bản tự khai ngày 27/01/2021 và ngày 17/3/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H2 trình bày: Ông là chủ hộ kinh doanh H2. Khoảng cuối năm 2015, ông có mua của ông K1 chiếc xe SH 150I xuất xứ từ Ý, biển kiểm soát S4 bằng hợp đồng ủy quyền, có công chứng. Sau đó, ông bán lại chiếc xe trên cho bà H1 bằng hình thức hợp đồng ủy quyền với giá 215.000.000 đồng (hai trăm mười lăm triệu đồng). Do đó, bà H1 có toàn quyền quyết định với chiếc xe SH 150I, biển kiểm soát S4 kể từ ngày ký hợp đồng ủy quyền. Việc bà H1 và Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng H2 tranh chấp về việc đền bù giá trị chiếc xe bị mất không liên quan đến ông. Ông H2 có yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 165/2021/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh:

Áp dụng:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 68, 144, 147, 165, 166, 228, 266, 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các Điều 357, 468, 554, 556, 557, 597 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H1.

Buộc Công ty TNHH Thương mại – Xây dựng H2 phải bồi thường cho bà H1 giá trị chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda SH 150I, biển số đăng ký S4 bị mất ngày 30/10/2019 với số tiền là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng). Bồi thường một lần kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp.

Nguyên đơn bà H1 không rút yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, buộc bị đơn bồi thường một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật giá trị chiếc xe nhãn hiệu Honda SH 150I, biển kiểm soát S4 bị mất với số tiền 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng).

Bị đơn Công ty TNHH Thương mại – Xây dựng H2 do bà Q2 đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm. Trường hợp các bên hòa giải được thì đồng ý cho bị đơn bồi thường giá trị chiếc xe bị mất với số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) vì theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000238 ngày 13/2/2012 do Công ty TNHH H7 bán xe cho bà H8 thể hiện chiếc xe Honda biển số S4 ban đầu được mua mới 100% với giá 135.300.000 đồng và theo hóa đơn bán hàng số 0047578 ngày 16/6/2015 giữa cửa hàng H6 và ông K1 thể hiện giá trị mua bán chiếc xe là 20.200.000 đồng. Hội đồng định giá tiến hành định giá giá trị còn lại của chiếc xe không đúng quy định. Tính đến thời điểm mất thì chiếc xe đã sử dụng gần 8 năm, do đó cần khấu hao giá trị sử dụng của xe.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông D1, ông K1 và ông H2 – Chủ hộ kinh doanh H2 đều có đơn xin vắng mặt.

Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Có thông báo bằng văn bản cho các đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp về việc thụ lý vụ án, quyết định xét xử cùng hồ sơ vụ án chuyển Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung:

Căn cứ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự; xét thấy kháng cáo của bị đơn không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Thương mại – Xây dựng H2, giữ nguyên Bản án

dân sự sơ thẩm số 165/2021/DS-ST ngày 04/6/2021 của Tòa án nhân dân quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Thương mại – Xây dựng H2 thực hiện trong thời hạn luật định nên được cấp phúc thẩm chấp nhận.

[1.2] Việc xác định thẩm quyền, quan hệ tranh chấp vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp quy định nên được chấp nhận.

[1.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D1, ông K1 và ông H2 – Chủ hộ kinh doanh H2 có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại mức bồi thường mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

[2.1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số S5 do Công an Q3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/7/2015 thì chiếc xe nhãn hiệu Honda SH150I, biển số đăng ký S4 thuộc quyền sở hữu của ông K1. Ngày 03/8/2015, ông K1 làm hợp đồng ủy quyền cho ông H2 được quản lý, sử dụng, cho thuê, cho mượn, bán, tặng cho... được quyền ủy quyền lại cho bên thứ ba các nội dung đã được ủy quyền. Đến năm 2016, ông H2 ủy quyền lại cho bà H1 theo hợp đồng ủy quyền ngày 27/4/2016, số công chứng 011295, quyền số 06/TP/CC-SCC/HĐGD lập tại Văn phòng công chứng Q4, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, từ ngày 27/4/2016 bà H1 là người được toàn quyền quản lý, sử dụng, cho thuê, cho mượn, bán, tặng cho hợp pháp đối với chiếc xe hiệu Honda SH 150I, biển số đăng ký S4 theo hợp đồng ủy quyền.

[2.2] Căn cứ vào sự thừa nhận của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định sự việc mất chiếc xe hiệu Honda SH 150I, biển kiểm soát S4 do bà H1 gửi tại Chung cư H2 vào ngày 30/10/2019 là có thật. Sự việc này đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Q1 khởi tố vụ án hình sự. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

quận Q1 đã trưng cầu giám định giá trị chiếc xe bị mất để làm căn cứ khởi tố bị can. Kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐGTS ngày 09/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự quận Q1 kết luận về giá trị tài sản 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda SH 150i, biển số S4, đã qua sử dụng có trị giá là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng). Do hết thời hạn điều tra mà chưa xác định được bị can nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Q1 đã ra thông báo về việc tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty TNHH Thương mại – Xây dựng H2 đồng ý bồi thường giá trị chiếc xe Honda SH 150I, biển số đăng ký S4 bị mất, tuy nhiên không chấp nhận mức giá bồi thường do nguyên đơn yêu cầu. Tại phiên tòa phúc thẩm, nếu nguyên đơn chấp nhận hòa giải, bị đơn chấp nhận bồi thường cho nguyên đơn 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) nhưng nguyên đơn không đồng ý. Theo bị đơn, giá trị chiếc xe bị mất đã qua 3 đời chủ và gần 8 năm sử dụng lại cao hơn giá trị xe lúc mua mới 100% là 135.300.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 000028 ngày 13/02/2012 do Công ty H7 bán cho bà H8. Việc xem xét để tính giá trị còn lại của xe không đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân quận Q1 để kết luận giá trị chiếc xe Honda SH biển kiểm soát S4 với giá 180.000.000 đồng, không dựa trên cơ sở pháp lý hoặc chứng cứ nào xác định tình trạng cụ thể của xe vào lúc bị mất. Mặt khác, Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ biên bản định giá xe của vụ án hình sự để xem xét trong vụ án dân sự là không đúng quy định của pháp luật.

[2.3.1] Hội đồng xét xử xét thấy: Việc xác định giá trị xe nhãn hiệu Honda SH 150I, biển số đăng ký S4 bị mất làm căn cứ xác định giá trị bồi thường phải dựa trên kết luận hợp pháp của cơ quan, tổ chức có chuyên môn, thẩm quyền về thẩm định giá. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 25/8/2020, Tòa án nhân dân quận Q1 có lập Biên bản làm việc với nguyên đơn bà H1 và bị đơn do bà Q2 đại diện theo ủy quyền. Hai bên đương sự đã thống nhất Công ty Cổ phần Giám định và Thẩm định tài sản G1 tiến hành thẩm định giá đối với chiếc xe Honda SH biển kiểm soát S4 đã bị mất.

[2.3.2] Theo chứng thư thẩm định giá số 0278/20/CTTĐ-VNE-HCM ngày 27/8/2020 của Công ty Cổ phần Giám định và Thẩm định tài sản G1, giá trị còn lại của chiếc xe Honda SH biển kiểm soát S4 là 195.000.000 đồng. Sau khi có kết quả thẩm định giá trị còn lại của xe bị mất, bị đơn không đồng ý giá trị theo chứng thư thẩm định giá số 0278/20/CTTĐ-VNE-HCM ngày 27/8/2020

của Công ty Cổ phần Giám định và Thẩm định tài sản G1 và cũng không đồng ý Kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐGTS ngày 09/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự quận Q1 nhưng không yêu cầu định giá lại.

[2.3.3] Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 0000238 ngày 13/2/2012 do Công ty TNHH H7 bán xe cho bà H8 với giá 135.300.000 đồng; hóa đơn bán hàng số 0047578 ngày 16/6/2015 giữa cửa hàng H6 và người mua là ông K1 thể hiện giá trị mua bán chiếc xe là 20.200.000 đồng là chứng cứ để xác định giá của chiếc xe S4. Hội đồng xét xử xét thấy các hóa đơn bán hàng nêu trên là sự thỏa thuận mua bán giữa Công ty TNHH H7 bán xe cho bà H8, giữa ông K1 với Cửa hàng H6, không phản ánh đúng giá trị thật của chiếc xe S4 tại thời điểm bị mất. Vì vậy, ý kiến này của bị đơn là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.3.4] Kết luận định giá số 42/KL-HĐĐGTS ngày 09/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự quận Q1 không chỉ là chứng cứ để khởi tố vụ án hình sự mà còn là cơ sở để xác định trách nhiệm bồi thường về dân sự trong vụ án hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Q2 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định: Trường hợp Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Q1 khởi tố bị can liên quan đến chiếc xe S4 bị mất thì Công ty TNHH Thương mại – Xây dựng H2 sẽ căn cứ vào Kết luận định giá số 42/KL-HĐĐGTS ngày 09/01/2020 và những tài liệu, chứng cứ khác yêu cầu bồi thường. Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Kết luận định giá số 42/KL-HĐĐGTS ngày 09/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự quận Q1 buộc bị đơn bồi thường cho nguyên đơn số tiền 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) là có cơ sở nên cấp phúc thẩm giữ nguyên.

[2.4] Bị đơn cho rằng giá giữ xe tại Chung cư H2 là 90.000 đồng/tháng bao gồm trả lương nhân viên giữ xe, tiền mặt bằng, tiền điện chiếu sáng, phòng cháy chữa cháy ... Bản án sơ thẩm buộc bị đơn bồi thường 180.000.000 đồng thì bị đơn phải giữ xe 166 năm. Hội đồng xét xử nhận thấy, khi nguyên đơn và bị đơn xác lập hợp đồng gửi giữ tài sản, các bên có đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập; chủ thể tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung giao dịch này không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng gửi giữ chiếc xe Honda SH biển kiểm soát S4 có hiệu lực pháp luật. Các bên đã thỏa thuận cụ thể quyền, nghĩa vụ khi giao kết hợp đồng gửi giữ tài sản nên phải có

nghĩa vụ thực hiện những nội dung đã thỏa thuận. Do đó, lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Thương mại – Xây dựng H2 là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Thương mại – Xây dựng H2, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 165/2021/DS-ST ngày 04/6/2021 của Tòa án nhân dân quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Các nội dung khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 165/2021/DS-ST ngày 04/6/2021 của Tòa án nhân dân quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nên Công ty TNHH Thương mại – Xây dựng H2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 148, Điều 293, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

Các Điều 357, 468, 554, 556, 557, 597 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Xây dựng H2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 165/2021/DS-ST ngày 04/6/2021 của Tòa án nhân dân quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H1.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Xây dựng H2 phải bồi thường cho bà H1 giá trị chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda SH 150I, biển số đăng ký S4 bị mất ngày 30/10/2019 với số tiền là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng). Bồi thường một lần kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty T1 phải chịu 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà H1 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0061109 ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Chi phí tố tụng: Công ty T1 phải hoàn trả cho bà H1 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) chi phí thẩm định giá tài sản.

Đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Xây dựng H2 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0063855 ngày 16/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và

Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận Q1;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Q1;
- Đường sự;
- Lưu (T18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Trúc